

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2019
cho các đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ**

**BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16/8/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 119/2018/TT-BTC ngày 05/12/2018 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 979/QĐ-TTg ngày 05/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ còn lại năm 2019;

Trên cơ sở ý kiến của Bộ Tài chính tại Công văn số 9403/BTC-HCSN ngày 14/8/2019 về việc bổ sung kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ năm 2019 (đợt 2);

Căn cứ các Quyết định phê duyệt nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2019 cho các đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Ủy quyền cho các Thủ trưởng đơn vị dự toán cấp trên phân bổ dự toán chi ngân sách Nhà nước cho các đơn vị trực thuộc, đơn vị cấp dưới đảm bảo dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 giao đến từng đơn vị sử dụng ngân sách đúng nội dung và theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, ghi rõ Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch của từng đơn vị trực thuộc, đơn vị cấp dưới và gửi báo cáo cho Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định.

Điều 3. Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao và dự toán ngân sách theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Chánh Văn phòng Bộ và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài chính;
- Các đơn vị sử dụng ngân sách;
- KBNN nơi giao dịch;
- Lưu VT, KHTC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



Phạm Công Tạc



BỘ SƯNG DƯ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019 CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (ĐỢT 2)
(Xem theo Quyết định số 2489/QĐ-BKHCN ngày 27 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Mã tính chất nguồn kinh phí	Tổng số	Chi tiết theo đơn vị sử dụng					
				Văn phòng các Chương trình KH&CN quốc gia	Cục Sở hữu trí tuệ	Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp KH&CN	Văn phòng Chương trình Nông thôn miền núi	Văn phòng các Chương trình trọng điểm cấp nhà nước	Quỹ phát triển KH&CN quốc gia
A	B	C	D= từ 1 đến 6	1	2	3	4	5	6
	DỰ TOÁN CHI NSNN		305.250,00	82.580,00	3.200,00	6.000,00	30.000,00	169.420,00	14.050,00
B	CHI THƯỜNG XUYÊN		305.250,00	82.580,00	3.200,00	6.000,00	30.000,00	169.420,00	14.050,00
I	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ		305.250,00	82.580,00	3.200,00	6.000,00	30.000,00	169.420,00	14.050,00
1.1	Vốn trong nước		305.250,00	82.580,00	3.200,00	6.000,00	30.000,00	169.420,00	14.050,00
a	Khoa học tự nhiên và kỹ thuật (Loại 100-101)		292.820,00	82.580,00	3.200,00	6.000,00	30.000,00	156.990,00	14.050,00
1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ		292.820,00	82.580,00	3.200,00	6.000,00	30.000,00	156.990,00	14.050,00
	- Kinh phí được giao khoán	16	-	-	-	-	-	-	-
	- Kinh phí không được giao khoán	16	292.820,00	82.580,00	3.200,00	6.000,00	30.000,00	156.990,00	14.050,00
2	Kinh phí thường xuyên		-	-	-	-	-	-	-
	- Kinh phí thực hiện tự chủ	13	-	-	-	-	-	-	-
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	12	-	-	-	-	-	-	-
3	Kinh phí không thường xuyên		-	-	-	-	-	-	-
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	12	-	-	-	-	-	-	-
b	Khoa học xã hội và nhân văn (Loại 100-102)		12.430,00	-	-	-	-	12.430,00	-
1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ		12.430,00	-	-	-	-	12.430,00	-
	- Kinh phí thực hiện khoán	16	-	-	-	-	-	-	-
	- Kinh phí không thực hiện khoán	16	12.430,00	-	-	-	-	12.430,00	-
3.2	Vốn ngoài nước		-	-	-	-	-	-	-



TRƯỜNG HỢP PHÂN BỐ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019 CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (ĐỢT 2)
 Căn cứ theo Quyết định số 248/QĐ-BKHCN ngày 27 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán giao bổ sung năm 2019	Tổng số dự toán phân bổ đợt 2	Trong đó:						
				Văn phòng các chương trình KH&CN quốc gia	Cục Sở hữu trí tuệ	Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp KH&CN	Chương trình nông thôn miền núi	Văn phòng các chương trình KH&CN trọng điểm cấp nhà nước	Quỹ Phát triển KH&CN quốc gia	Dự toán còn lại chưa phân bổ
A	B	C	D = 1 đến 6	1	2	3	4	5	6	E=C-D
	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	305.250,00	305.250,00	82.580,00	3.200,00	6.000,00	30.000,00	169.420,00	14.050,00	-
B	CHI THƯỜNG XUYÊN	305.250,00	305.250,00	82.580,00	3.200,00	6.000,00	30.000,00	169.420,00	14.050,00	-
I	KINH PHÍ SỰ NGHIỆP KHOA HỌC	305.250,00	305.250,00	82.580,00	3.200,00	6.000,00	30.000,00	169.420,00	14.050,00	-
I.1	VỐN TRONG NƯỚC	305.250,00	305.250,00	82.580,00	3.200,00	6.000,00	30.000,00	169.420,00	14.050,00	-
I.1.1	KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ		305.250,00	82.580,00	3.200,00	6.000,00	30.000,00	169.420,00	14.050,00	-
A	Nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia (Loại 100, Khoản 101)		305.250,00	82.580,00	3.200,00	6.000,00	30.000,00	169.420,00	14.050,00	-
1	Đề tài, dự án theo nghị định thư		20.320,00	20.320,00						
2	Đề tài, nhiệm vụ KH&CN độc lập cấp Nhà nước		53.420,00					53.420,00		
3	Các dự án thuộc Chương trình Hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020		3.200,00		3.200,00					
4	Nhiệm vụ nghiên cứu và phát triển nguồn gen		25.000,00					25.000,00		
5	Các đề tài, dự án thuộc các Chương trình KH&CN trọng điểm cấp Nhà nước giai đoạn 2016-2020 (KC, KX)		91.000,00					91.000,00		
6	Kinh phí của các dự án thuộc Chương trình Nông thôn miền núi do Trung ương quản lý		30.000,00				30.000,00			
7	Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia		1.250,00	1.250,00						
8	Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia		32.120,00	32.120,00						
9	Chương trình Nghiên cứu, đào tạo và xây dựng hạ tầng kỹ thuật công nghệ cao thuộc Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020		4.000,00	4.000,00						
10	Nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương về KHCN đến năm 2020		14.190,00	14.190,00						
11	Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp KH&CN và tổ chức KH&CN công lập thực hiện theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm (CT 592)		4.700,00	4.700,00						
12	Chương trình phát triển thị trường KH&CN đến năm 2020		14.050,00						14.050,00	
13	Đề án Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2020 (Đề án 844)		12.000,00	6.000,00	6.000,00					
I.1.2	KINH PHÍ THƯỜNG XUYÊN (Loại 100, Khoản 101)		-	-	-	-	-	-	-	-
1	Kinh phí hoạt động chung của các Văn phòng		-	-	-	-	-	-	-	-
2	Kinh phí thường xuyên khác		-	-	-	-	-	-	-	-
2.1	Nhiệm vụ hỗ trợ theo chức năng		-	-	-	-	-	-	-	-
I.1.3	KINH PHÍ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN (Loại 100, Khoản 101)		-	-	-	-	-	-	-	-
I.2	VỐN NGOÀI NƯỚC		-	-	-	-	-	-	-	-



TT	Nội dung	Dự toán giao bổ sung năm 2019	Tổng số dự toán phân bổ đợt 2	Văn phòng các chương trình KH&CN quốc gia	Cục Sở hữu trí tuệ	Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp KH&CN	Chương trình nông thôn miền núi	Văn phòng các chương trình KH&CN trọng điểm cấp nhà nước	Quỹ Phát triển KH&CN quốc gia	Dự toán còn lại chưa phân bổ
A	B	C	D = 1 đến 6	1	2	3	4	5	6	E=C-D
	<i>Cộng kinh phí sự nghiệp khoa học</i>	305.250,00	305.250,00	82.580,00	3.200,00	6.000,00	30.000,00	169.420,00	14.050,00	-
	Trong đó: + <i>Vốn trong nước</i>	305.250,00	305.250,00	82.580,00	3.200,00	6.000,00	30.000,00	169.420,00	14.050,00	-
1	<i>Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ</i>		305.250,00	82.580,00	3.200,00	6.000,00	30.000,00	169.420,00	14.050,00	-
	- Kinh phí thực hiện khoán		-							
	- Kinh phí không thực hiện khoán		305.250,00	82.580,00	3.200,00	6.000,00	30.000,00	169.420,00	14.050,00	
2	<i>Kinh phí thường xuyên</i>		-	-	-	-	-	-	-	-
	- Kinh phí thực hiện tự chủ		-	-	-	-	-	-	-	-
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ		-	-	-	-	-	-	-	-
3	<i>Kinh phí không thường xuyên</i>		-	-	-	-	-	-	-	-
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ		-	-	-	-	-	-	-	-
	+ <i>Vốn ngoài nước</i>		-	-	-	-	-	-	-	-
	<i>Kinh phí không thường xuyên</i>		-	-	-	-	-	-	-	-
	TỔNG CỘNG	305.250,00	305.250,00	82.580,00	3.200,00	6.000,00	30.000,00	169.420,00	14.050,00	-

